

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG**

BẢO CẢO TẠI CHỖ HỢP NHẤT
GIỮA MỀM DỖ

KẾT THÚC CÔNG VIỆC VÀ THỜI GIAN LÀM VIỆC
TRONG BẢO CẢO HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VÀI TÂN CƯỜNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 37



WU 177

10000

1. 10000
2. 10000
3. 10000
4. 10000
5. 10000
6. 10000
7. 10000

10000

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là “nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Ngày 01 tháng 3 năm 2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Ngày 04 tháng 9 năm 2018

MEMORANDUM FOR THE RECORD

On 11/15/54, the Board of Directors met in regular session at 10:00 A.M. in the Board Room, 1000 Pennsylvania Avenue, N.W., Washington, D.C. The following items were discussed:

1. Report of the President, Mr. [Name], covering the activities of the Corporation during the month of November, 1954.

2. Report of the Treasurer, Mr. [Name], covering the financial statement for the month of November, 1954.

3. Report of the Secretary, Mr. [Name], covering the minutes of the Board of Directors meeting held on 10/15/54.

4. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

5. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

6. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

7. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

8. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

9. Report of the Committee on [Name], covering the [Name] of [Name] dated 11/10/54.

Item	Responsible Party	Date
1. Report of the President	Mr. [Name]	11/15/54
2. Report of the Treasurer	Mr. [Name]	11/15/54
3. Report of the Secretary	Mr. [Name]	11/15/54
4. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54
5. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54
6. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54
7. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54
8. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54
9. Report of the Committee on [Name]	Mr. [Name]	11/10/54



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Quang Thảo

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Faint, illegible text, likely bleed-through from the reverse side of the page.



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Số: 2.0468/227/TC-A&C(2022) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "nhóm Công ty"), được lập ngày 8 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2022

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

INVESTIGATION OF THE ACTS OF VIOLENCE
COMMITTED BY THE ORGANIZATION
KNOWN AS THE BLACK PANTHER PARTY
AND ITS ASSOCIATES

MEMORANDUM FOR THE DIRECTOR
FROM: SAC, NEW YORK (100-100000-100000)

RE: [REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]

[REDACTED]



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		365.783.442.409	377.629.513.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.156.740.039	122.554.846.979
1. Tiền	111		37.156.740.039	35.553.841.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	87.001.005.020
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.000.000.000	107.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	116.000.000.000	107.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.684.612.541	133.896.799.983
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	149.405.723.075	124.012.058.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	4.167.684.402	7.574.959.131
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.974.908.951	8.479.979.411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.863.703.887)	(6.170.196.885)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.891.362.135	4.698.059.931
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.891.362.135	4.698.059.931
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.050.727.694	9.479.806.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.697.972.245	9.360.310.952
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		340.097.808	106.837.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.657.641	12.657.641
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Date: _____
Page: _____

THE STATE OF CALIFORNIA

COUNTY OF _____

SUPERIOR COURT

No.	Plaintiff	vs.	Defendant	Filed for Record	Page
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.765.342.750	233.320.147.310
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.755.256.000	6.755.256.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	6.755.256.000	6.755.256.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		189.816.631.270	210.415.796.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	183.207.695.539	203.514.090.171
<i>Nguyên giá</i>	222		750.540.854.831	747.460.244.447
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(567.333.159.292)	(543.946.154.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.608.935.731	6.901.706.651
<i>Nguyên giá</i>	228		14.969.515.458	14.204.530.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.360.579.727)	(7.302.823.495)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	505.534.996	2.168.907.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		505.534.996	2.168.907.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.687.920.484	13.980.186.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.451.066.931	12.914.539.860
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	3.236.853.553	1.065.646.778
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		578.548.785.159	610.949.660.606

Year	Value	Percentage	Description
1970	100	100%	Initial value
1971	105	105%	5% increase
1972	110	110%	5% increase
1973	115	115%	5% increase
1974	120	120%	5% increase
1975	125	125%	5% increase
1976	130	130%	5% increase
1977	135	135%	5% increase
1978	140	140%	5% increase
1979	145	145%	5% increase
1980	150	150%	5% increase
1981	155	155%	5% increase
1982	160	160%	5% increase
1983	165	165%	5% increase
1984	170	170%	5% increase
1985	175	175%	5% increase
1986	180	180%	5% increase
1987	185	185%	5% increase
1988	190	190%	5% increase
1989	195	195%	5% increase
1990	200	200%	5% increase
1991	205	205%	5% increase
1992	210	210%	5% increase
1993	215	215%	5% increase
1994	220	220%	5% increase
1995	225	225%	5% increase
1996	230	230%	5% increase
1997	235	235%	5% increase
1998	240	240%	5% increase
1999	245	245%	5% increase
2000	250	250%	5% increase
2001	255	255%	5% increase
2002	260	260%	5% increase
2003	265	265%	5% increase
2004	270	270%	5% increase
2005	275	275%	5% increase
2006	280	280%	5% increase
2007	285	285%	5% increase
2008	290	290%	5% increase
2009	295	295%	5% increase
2010	300	300%	5% increase
2011	305	305%	5% increase
2012	310	310%	5% increase
2013	315	315%	5% increase
2014	320	320%	5% increase
2015	325	325%	5% increase
2016	330	330%	5% increase
2017	335	335%	5% increase
2018	340	340%	5% increase
2019	345	345%	5% increase
2020	350	350%	5% increase
2021	355	355%	5% increase
2022	360	360%	5% increase
2023	365	365%	5% increase
2024	370	370%	5% increase
2025	375	375%	5% increase
2026	380	380%	5% increase
2027	385	385%	5% increase
2028	390	390%	5% increase
2029	395	395%	5% increase
2030	400	400%	5% increase

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		249.207.066.989	271.932.346.357
I. Nợ ngắn hạn	310		190.775.383.867	201.894.254.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	39.960.798.897	67.142.570.653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		114.679.102	41.375.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.618.293.951	10.800.131.791
4. Phải trả người lao động	314		46.739.912.212	36.571.774.628
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	14.800.143.985	8.139.185.449
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	20.425.524.681	13.568.065.044
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	17.227.402.025	20.893.920.814
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	37.888.629.014	44.737.231.200
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		58.431.683.122	70.038.091.778
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.669.612.981	8.669.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	49.762.070.141	61.368.478.797
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

1. The first part of the document is a list of names and their corresponding numbers.

 2. The second part is a list of names and their corresponding numbers.

 3. The third part is a list of names and their corresponding numbers.

 4. The fourth part is a list of names and their corresponding numbers.

 5. The fifth part is a list of names and their corresponding numbers.

Category	Name	Number	Description
Category 1	NAME 1	101	DESCRIPTION 1
	NAME 2	102	DESCRIPTION 2
	NAME 3	103	DESCRIPTION 3
	NAME 4	104	DESCRIPTION 4
	NAME 5	105	DESCRIPTION 5
	NAME 6	106	DESCRIPTION 6
	NAME 7	107	DESCRIPTION 7
	NAME 8	108	DESCRIPTION 8
	NAME 9	109	DESCRIPTION 9
	NAME 10	110	DESCRIPTION 10
	NAME 11	111	DESCRIPTION 11
	NAME 12	112	DESCRIPTION 12
	NAME 13	113	DESCRIPTION 13
	NAME 14	114	DESCRIPTION 14
Category 2	NAME 15	201	DESCRIPTION 15
	NAME 16	202	DESCRIPTION 16
	NAME 17	203	DESCRIPTION 17
	NAME 18	204	DESCRIPTION 18
	NAME 19	205	DESCRIPTION 19
	NAME 20	206	DESCRIPTION 20
	NAME 21	207	DESCRIPTION 21
	NAME 22	208	DESCRIPTION 22
	NAME 23	209	DESCRIPTION 23
	NAME 24	210	DESCRIPTION 24
	NAME 25	211	DESCRIPTION 25
	NAME 26	212	DESCRIPTION 26
	NAME 27	213	DESCRIPTION 27
	NAME 28	214	DESCRIPTION 28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.341.718.170	339.017.314.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	329.341.718.170	339.017.314.249
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.639.993.864	62.888.443.664
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.604.102.202	46.560.774.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.217.400.524	46.560.774.278
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.386.701.678	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.187.422.104	29.657.896.307
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		578.548.785.159	610.949.660.606

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

ĐƠN MẪU
Số: ...
Hàng ngày...

STT	Mô tả	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50



...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	470.027.853.900	430.743.414.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		470.027.853.900	430.743.414.882
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	370.291.910.879	341.937.264.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.735.943.021	88.806.149.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.583.282.468	3.811.780.592
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.612.839.748	3.222.329.202
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.606.366.818	3.210.622.461
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.287.310.726	4.663.897.496
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.747.351.769	24.698.460.266
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.671.723.246	60.033.243.602
12. Thu nhập khác	31	VI.7	347.546.220	224.847.836
13. Chi phí khác	32	VI.8	933.676.257	690.449.004
14. Lợi nhuận khác	40		(586.130.037)	(465.601.168)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.085.593.209	59.567.642.434
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.296.197.675	13.680.688.428
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.171.206.775)	(1.497.143.395)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.960.602.309	47.384.097.401
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.108.881.857	45.912.078.233
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.851.720.452	1.472.019.168
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.608	1.689
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.608	1.689

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Quang Thảo

Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KHU VƯỜN
 TÂN CẢNG

PHƯƠNG ANH
 (HỌ TÊN)

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	QUÂN QUẢN
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
2	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
3	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
4	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
5	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
6	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
7	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
8	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
9	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
10	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
11	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
12	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
13	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
14	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
15	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
16	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
17	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
18	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
19	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
20	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
21	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
22	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
23	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
24	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
25	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
26	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
27	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
28	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
29	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
30	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
31	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
32	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
33	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
34	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
35	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
36	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
37	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
38	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
39	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
40	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
41	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
42	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
43	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
44	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
45	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
46	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10
47	Chủ tịch Hội đồng Giám sát	PHƯƠNG ANH	10
48	Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán	PHƯƠNG ANH	10
49	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	PHƯƠNG ANH	10
50	Chủ tịch Ban Giám đốc	PHƯƠNG ANH	10



(CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ CHỮ ĐÓNG)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.085.593.209	59.567.642.434
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	21.708.327.531	28.623.379.251
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	(306.492.998)	384.649.300
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(51.087.133)	7.771.536
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.333.831.218)	(3.782.962.629)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.606.366.818	3.210.622.461
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.708.876.209	88.011.102.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.982.653.673)	(34.363.426.407)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		806.697.796	277.039.477
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.447.930.818)	6.625.100.789
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.125.811.636	377.203.823
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.430.890.364)	(2.938.122.994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(12.543.287.095)	(5.783.510.641)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	14.000.000	35.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(19.581.760.574)	(16.006.592.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.668.863.117	36.233.793.684
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.750.361.856)	(16.390.029.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.404.148.093	3.754.850.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.346.213.763)	(39.635.179.172)

1. The first part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

Table 1: List of Names and Addresses

Name	Address	City	State	Zip
John Doe	123 Main St	New York	NY	10001
Jane Smith	456 Elm St	Los Angeles	CA	90001
Robert Johnson	789 Oak St	Chicago	IL	60601
Mary Williams	101 Pine St	San Francisco	CA	94101
David Brown	202 Cedar St	Houston	TX	77001
Sarah Miller	303 Birch St	Phoenix	AZ	85001
Michael Davis	404 Maple St	Philadelphia	PA	19101
Laura Wilson	505 Walnut St	San Diego	CA	92101
James Taylor	606 Spruce St	Portland	OR	97201
Emily Anderson	707 Ash St	Seattle	WA	98101
Christopher Lee	808 Hickory St	Denver	CO	80201
Amanda White	909 Cypress St	San Jose	CA	95101
Matthew Garcia	1010 Sycamore St	San Antonio	TX	78201
Olivia Martinez	1111 Dogwood St	San Jose	CA	95101
Benjamin Clark	1212 Magnolia St	San Jose	CA	95101
Isabella Rodriguez	1313 Redwood St	San Jose	CA	95101
Ethan Lewis	1414 Juniper St	San Jose	CA	95101
Sophia Walker	1515 Fir St	San Jose	CA	95101
Lucas Hall	1616 Willow St	San Jose	CA	95101
Chloe Young	1717 Cottonwood St	San Jose	CA	95101
Isaac King	1818 Alder St	San Jose	CA	95101
Grace Wright	1919 Hawthorn St	San Jose	CA	95101
Samuel Lopez	2020 Laurel St	San Jose	CA	95101
Madison Green	2121 Dogwood St	San Jose	CA	95101
Joseph Adams	2222 Magnolia St	San Jose	CA	95101
Abigail Baker	2323 Redwood St	San Jose	CA	95101
Wyatt Nelson	2424 Juniper St	San Jose	CA	95101
Skylar Hill	2525 Fir St	San Jose	CA	95101
Levi Scott	2626 Willow St	San Jose	CA	95101
Madelyn Torres	2727 Cottonwood St	San Jose	CA	95101
Grayson Perry	2828 Alder St	San Jose	CA	95101
Isabella King	2929 Hawthorn St	San Jose	CA	95101
Lincoln Wright	3030 Laurel St	San Jose	CA	95101
Chloe Lopez	3131 Dogwood St	San Jose	CA	95101
Isaac Green	3232 Magnolia St	San Jose	CA	95101
Abigail Adams	3333 Redwood St	San Jose	CA	95101
Wyatt Baker	3434 Juniper St	San Jose	CA	95101
Skylar Nelson	3535 Fir St	San Jose	CA	95101
Levi Hill	3636 Willow St	San Jose	CA	95101
Madelyn Scott	3737 Cottonwood St	San Jose	CA	95101
Grayson Torres	3838 Alder St	San Jose	CA	95101
Isabella Perry	3939 Hawthorn St	San Jose	CA	95101
Lincoln King	4040 Laurel St	San Jose	CA	95101
Chloe Wright	4141 Dogwood St	San Jose	CA	95101
Isaac Lopez	4242 Magnolia St	San Jose	CA	95101
Abigail Adams	4343 Redwood St	San Jose	CA	95101
Wyatt Baker	4444 Juniper St	San Jose	CA	95101
Skylar Nelson	4545 Fir St	San Jose	CA	95101
Levi Hill	4646 Willow St	San Jose	CA	95101
Madelyn Scott	4747 Cottonwood St	San Jose	CA	95101
Grayson Torres	4848 Alder St	San Jose	CA	95101
Isabella Perry	4949 Hawthorn St	San Jose	CA	95101
Lincoln King	5050 Laurel St	San Jose	CA	95101

The second part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	7.400.000.000	10.095.101.632	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(22.672.927.445)	(14.463.400.004)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.513.958.800)	(4.530.684.600)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.786.886.245)	(8.898.982.972)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(40.464.236.891)	(12.300.368.460)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	122.554.846.979	165.025.053.750	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	66.129.951	(9.844.153)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	82.156.740.039	152.714.841.137	

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

BẢN CHỮ GIẢI THÍCH
 VÀ CÁC SỐ LIỆU KỸ THUẬT

MÔ TẢ		KÝ HIỆU		ĐƠN VỊ	
Chiều dài	1000	L	m	Chiều dài	1000
Chiều rộng	500	B	m	Chiều rộng	500
Chiều cao	200	H	m	Chiều cao	200
Tỷ lệ		1:1		Tỷ lệ	
Số lượng		1		Số lượng	
Mô tả chi tiết		Mô tả chi tiết về các thông số kỹ thuật và yêu cầu thi công.			



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

THE HISTORY OF THE UNITED STATES

The history of the United States is a story of growth, struggle, and achievement. From the first European settlers to the present day, the nation has evolved through various stages of development. The early years were marked by the search for a permanent home, leading to the establishment of the thirteen original colonies. These colonies, though geographically separated, shared a common language, culture, and political philosophy. They gradually developed a sense of identity and self-governance, culminating in the signing of the Declaration of Independence in 1776. The American Revolution was a pivotal moment, as the colonies fought for and won their freedom from British rule. The new nation then faced the challenge of creating a stable government, which was accomplished through the drafting of the Constitution in 1787. The years following the Revolution were a period of rapid expansion and growth, as the United States moved westward across the continent. This expansion was often accompanied by conflict, particularly with Native American tribes. The mid-19th century saw the rise of sectionalism, as the North and South developed distinct economic and social systems. The issue of slavery became a major point of contention, ultimately leading to the Civil War (1861-1865). The war resulted in the preservation of the Union and the abolition of slavery, but it also left deep scars on the nation. The Reconstruction era followed, as the South was reintegrated into the Union and efforts were made to address the needs of newly freed African Americans. The late 19th and early 20th centuries were characterized by industrialization, urbanization, and the rise of a powerful federal government. The United States emerged as a global superpower, playing a leading role in World War I and World War II. The post-war period saw the nation's involvement in the Cold War, the Vietnam War, and the civil rights movement. Today, the United States continues to evolve, facing new challenges and opportunities in the 21st century.

Year	Event	Significance
1776	Declaration of Independence	Established the United States as an independent nation.
1787	Constitution	Created the framework for the federal government.
1861-1865	Civil War	Preserved the Union and abolished slavery.
1898	Spanish-American War	Established the United States as a world power.
1914-1918	World War I	Established the United States as a global superpower.
1941-1945	World War II	Established the United States as a global superpower.
1954	Brown v. Board of Education	Ended racial segregation in public schools.
1963	John F. Kennedy's assassination	Marked a turning point in American history.
1973	Watergate Scandal	Exposed the abuse of power by the executive branch.
1981	Iranian Hostage Crisis	Highlighted the United States' foreign policy challenges.
1989	End of the Cold War	Marked the end of the bipolar world.
1991	9/11 Attacks	Marked a turning point in American history.
2001	9/11 Attacks	Marked a turning point in American history.
2001	9/11 Attacks	Marked a turning point in American history.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nhóm Công ty có 655 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 655 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's previous work in the field and expresses a hope that the paper will contribute to the understanding of the subject.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is written in a concise and clear manner, highlighting the key points of the research.

3. The third part of the document is the introduction. It sets the context for the study and outlines the objectives of the research. The introduction also discusses the significance of the topic and the gaps in the existing literature that the study aims to address.

4. The fourth part of the document is the literature review. It provides a comprehensive overview of the existing research on the topic. The literature review identifies the key theories and models that have been developed in the field and discusses the strengths and weaknesses of the existing studies.

5. The fifth part of the document is the methodology. It describes the research design and the methods used to collect and analyze the data. The methodology section provides a detailed account of the procedures followed in the study, ensuring that the research is replicable and transparent.

6. The sixth part of the document is the results. It presents the findings of the study in a clear and organized manner. The results section includes tables and figures that illustrate the data and the statistical analysis performed. The findings are discussed in the context of the research objectives and the existing literature.

7. The seventh part of the document is the discussion. It interprets the results of the study and discusses their implications for the field. The discussion also addresses the limitations of the study and suggests directions for future research. The author provides a critical analysis of the findings and their contribution to the understanding of the topic.

8. The eighth part of the document is the conclusion. It summarizes the main findings of the study and reiterates the key points of the research. The conclusion also provides a final statement on the significance of the study and the author's contribution to the field.

9. The ninth part of the document is the references. It lists the sources of information used in the study, including books, journal articles, and other relevant literature. The references are formatted according to the journal's guidelines, ensuring that the research is properly cited and acknowledged.

10. The tenth part of the document is the appendix. It contains supplementary information that is not included in the main text of the paper. The appendix may include additional data, tables, or figures that provide further detail and support for the findings of the study.

11. The eleventh part of the document is the acknowledgments. It expresses the author's gratitude to the individuals and organizations that provided support and assistance during the course of the research. The acknowledgments section is a personal and heartfelt expression of appreciation for the help received.

12. The twelfth part of the document is the author's biography. It provides a brief overview of the author's academic and professional background. The biography highlights the author's education, research interests, and previous work in the field, providing context for the author's expertise and qualifications.

13. The thirteenth part of the document is the author's contact information. It provides the author's name, address, and contact details, including a telephone number and an email address. This information allows readers to reach out to the author for further information or to discuss the paper in more detail.

14. The fourteenth part of the document is the author's declaration of interest. It states whether the author has any potential conflicts of interest that could influence the results or conclusions of the study. This declaration is an important part of the research process, ensuring that the study is conducted with integrity and transparency.

15. The fifteenth part of the document is the author's statement of originality. It declares that the content of the paper is the author's original work and that it has not been published or submitted elsewhere. This statement is a declaration of the author's ownership and originality of the research.

16. The sixteenth part of the document is the author's statement of copyright. It declares that the author retains all rights in the paper and that no part of it may be reproduced or transmitted in any form without the author's prior written permission. This statement protects the author's intellectual property and ensures that their work is properly protected.

17. The seventeenth part of the document is the author's statement of funding. It identifies the sources of financial support for the research, including grants, scholarships, and other funding sources. This information is important for transparency and accountability, allowing readers to understand the financial context of the study.

18. The eighteenth part of the document is the author's statement of ethical approval. It declares that the research has been approved by the appropriate ethical review board and that all procedures followed were in accordance with the ethical standards of the committee. This statement is a crucial part of the research process, ensuring that the study is conducted in a responsible and ethical manner.

19. The nineteenth part of the document is the author's statement of data availability. It declares whether the data generated during the study are available to other researchers and, if so, how they can be accessed. This statement promotes transparency and facilitates the replication and validation of the study's findings.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phân chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's affiliation and contact information.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is followed by the introduction, which sets the context for the research and states the objectives of the study.

3. The third part of the document is the main body of the paper, which is divided into several sections. The first section is the literature review, which discusses the existing research on the topic. The second section is the methodology, which describes the research design and the data collection methods. The third section is the results, which presents the findings of the study.

4. The fourth part of the document is the conclusion, which summarizes the main findings and discusses the implications of the study. It also includes a discussion of the limitations of the study and suggestions for future research.

5. The fifth part of the document is the references, which lists the sources used in the paper. The references are organized alphabetically by the author's name. The sixth part of the document is the appendix, which contains additional information related to the study.

6. The seventh part of the document is the acknowledgments, which expresses the author's gratitude to the individuals and organizations that provided support and assistance during the research process.

7. The eighth part of the document is the author's biography, which provides a brief overview of the author's academic and professional background.

8. The ninth part of the document is the author's contact information, which includes the author's name, address, phone number, and email address.

9. The tenth part of the document is the author's statement of interest, which declares the author's potential conflicts of interest and the author's commitment to the integrity of the research.

10. The final part of the document is the author's statement of ownership, which declares the author's ownership of the copyright in the paper.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's affiliation and contact information.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is followed by the title of the paper.

3. The third part of the document is the introduction. It provides background information on the topic and states the purpose of the study. The introduction also includes a statement of the research questions and hypotheses.

4. The fourth part of the document is the literature review. It discusses the existing research on the topic and identifies the gaps in the literature. The literature review also includes a discussion of the theoretical framework of the study.

5. The fifth part of the document is the methodology. It describes the research design, data collection methods, and data analysis techniques. The methodology section also includes a discussion of the limitations of the study.

6. The sixth part of the document is the results. It presents the findings of the study and discusses their implications. The results section also includes a discussion of the statistical significance of the findings.

7. The seventh part of the document is the conclusion. It summarizes the main findings of the study and provides recommendations for future research. The conclusion also includes a discussion of the practical implications of the findings.

8. The eighth part of the document is the references. It lists the sources of information used in the study. The references are organized alphabetically by author's name.

9. The ninth part of the document is the appendix. It contains supplementary information that is not included in the main text of the paper. The appendix may include tables, figures, or additional data.

10. The tenth part of the document is the index. It provides a list of keywords and page numbers for each section of the paper. The index is useful for locating specific information within the document.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records. It highlights the need for consistency and thoroughness in data collection. The second part focuses on the analysis of the collected data, emphasizing the use of statistical methods to draw meaningful conclusions. The final section provides a summary of the findings and offers recommendations for future research.

Chapter 1: Introduction
This chapter introduces the topic and outlines the objectives of the study. It provides a brief overview of the background and the significance of the research. The chapter also discusses the scope and limitations of the study.

Chapter 2: Literature Review
This chapter reviews the existing literature on the topic. It identifies key studies and theories that inform the current research. The chapter also discusses the gaps in the literature and how the current study addresses these gaps.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
5408 S. UNIVERSITY AVENUE
CHICAGO, ILLINOIS 60637

TO: _____
FROM: _____
SUBJECT: _____

DATE: _____
TIME: _____
PLACE: _____

The first part of the report is devoted to a description of the experimental conditions under which the measurements were made. The second part contains a discussion of the results obtained and a comparison with the theoretical predictions. The third part is a summary of the work done during the course of the investigation.

The following table gives a summary of the data obtained during the course of the investigation. The first column gives the value of the parameter α , the second column gives the value of the parameter β , and the third column gives the value of the parameter γ .

The results obtained during the course of the investigation are summarized in the following table. The first column gives the value of the parameter α , the second column gives the value of the parameter β , and the third column gives the value of the parameter γ .

The following table gives a summary of the data obtained during the course of the investigation. The first column gives the value of the parameter α , the second column gives the value of the parameter β , and the third column gives the value of the parameter γ .

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

1. The first part of the document is a list of names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

2. The second part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

3. The third part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

CONFIDENTIAL - SECURITY INFORMATION

4. The fourth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

5. The fifth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

6. The sixth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

7. The seventh part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

8. The eighth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

9. The ninth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

10. The tenth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

11. The eleventh part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

12. The twelfth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

13. The thirteenth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

14. The fourteenth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

15. The fifteenth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

16. The sixteenth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

17. The seventeenth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

18. The eighteenth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

19. The nineteenth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

20. The twentieth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

21. The twenty-first part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

22. The twenty-second part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

23. The twenty-third part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

24. The twenty-fourth part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

25. The twenty-fifth part of the document is a list of the names and addresses of the individuals who were interviewed for this report.

26. The twenty-sixth part of the document is a list of the questions that were asked of the individuals during the interviews.

27. The twenty-seventh part of the document is a list of the answers that were given by the individuals to the questions.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

Office of the Secretary of the State
Department of Health and Human Services
100 North Main Street, Room 100
Annapolis, Maryland 21401
Phone: (410) 326-7300

Page 1

The following information is being provided to you for your information.

Page 2

This information is being provided to you for your information.

Page 3

This information is being provided to you for your information.

Page 4

This information is being provided to you for your information.

Page 5

This information is being provided to you for your information.

Page 6

This information is being provided to you for your information.

Page 7

This information is being provided to you for your information.

Page 8

This information is being provided to you for your information.

Page 9

This information is being provided to you for your information.

Page 10

This information is being provided to you for your information.

Page 11

This information is being provided to you for your information.

Page 12

This information is being provided to you for your information.

Page 13

This information is being provided to you for your information.

Page 14

This information is being provided to you for your information.

Page 15

This information is being provided to you for your information.

Page 16

This information is being provided to you for your information.

Page 17

This information is being provided to you for your information.

Page 18

This information is being provided to you for your information.

Page 19

This information is being provided to you for your information.

Page 20

This information is being provided to you for your information.

Page 21

This information is being provided to you for your information.

Page 22

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	587.556.101	2.718.015.620
Tiền gửi ngân hàng	36.569.183.938	32.835.826.339
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	45.000.000.000	87.001.005.020
Cộng	82.156.740.039	122.554.846.979

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm lãi suất từ 3,85% - 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's previous work in the field and expresses a hope that the journal will find the paper interesting and useful.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is written in a concise and clear manner, highlighting the most important aspects of the research.

3. The third part of the document is the introduction. It sets the context for the study and outlines the research objectives. The introduction also discusses the significance of the topic and the author's contribution to the field. It provides a clear and logical structure for the rest of the paper.

4. The fourth part of the document is the literature review. It discusses the existing research on the topic and identifies the gaps in the current knowledge. The literature review is organized into sections, each focusing on a different aspect of the research. It provides a comprehensive overview of the field and highlights the author's contribution to the literature.

5. The fifth part of the document is the methodology. It describes the research design and the methods used to collect and analyze the data. The methodology is presented in a clear and detailed manner, allowing the reader to understand the strengths and limitations of the study.

6. The sixth part of the document is the results. It presents the findings of the study in a clear and concise manner. The results are organized into sections, each corresponding to a different aspect of the research. The author uses tables and figures to illustrate the data and make it easier to understand.

7. The seventh part of the document is the discussion. It discusses the implications of the findings and compares them with the existing literature. The author also discusses the limitations of the study and suggests directions for future research. The discussion is presented in a clear and logical manner, providing a comprehensive overview of the research.

8. The eighth part of the document is the conclusion. It summarizes the main findings and conclusions of the study. The conclusion is presented in a clear and concise manner, highlighting the most important aspects of the research. It also provides a final statement on the significance of the study and the author's contribution to the field.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	92.305.743.274	66.612.819.878
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.292.958.230	59.340.681.323
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	-	7.326.290
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	741.560.000	416.091.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	241.751.211	175.909.565
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	3.011.585.200	6.617.350.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	13.392.000	55.461.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân cảng	4.496.633	-
Phải thu các khách hàng khác	57.099.979.801	57.399.238.448
Cộng	149.405.723.075	124.012.058.326

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.377.628.000	6.755.256.000
Các nhà cung cấp khác	790.056.402	819.703.131
Cộng	4.167.684.402	7.574.959.131

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực (Xem thuyết minh VII.2).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.759.647.203	-	1.622.957.976	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	1.759.647.203	-	1.622.957.976	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.215.261.748	-	6.857.021.435	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.358.189.495	-	1.428.506.370	-
Ký cược, ký quỹ	306.400.000	-	306.400.000	-
Tạm ứng	2.502.821.567	-	1.466.320.097	-
Các khoản chi hộ	2.023.254.085	-	3.187.000.974	-
Các khoản phải thu khác	24.596.601	-	468.793.994	-
Cộng	7.974.908.951	-	8.479.979.411	-

STATE OF CALIFORNIA - DEPARTMENT OF REVENUE

STATEMENT OF REVENUES AND EXPENDITURES - GENERAL FUND

For the Fiscal Year Ending June 30, 2012

REVENUES	EXPENDITURES	BALANCE																										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Taxes</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 1,234,567,890</td> </tr> <tr> <td>License Fees</td> <td style="text-align: right;">123,456,789</td> </tr> <tr> <td>Interest</td> <td style="text-align: right;">98,765,432</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td style="text-align: right;">54,321,098</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 1,511,111,111</td> </tr> </table>	Taxes	\$ 1,234,567,890	License Fees	123,456,789	Interest	98,765,432	Other	54,321,098	Total	\$ 1,511,111,111	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Salaries</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 876,543,210</td> </tr> <tr> <td>Benefits</td> <td style="text-align: right;">123,456,789</td> </tr> <tr> <td>Travel</td> <td style="text-align: right;">98,765,432</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td style="text-align: right;">54,321,098</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 1,153,086,529</td> </tr> </table>	Salaries	\$ 876,543,210	Benefits	123,456,789	Travel	98,765,432	Other	54,321,098	Total	\$ 1,153,086,529	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Beginning</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 234,567,890</td> </tr> <tr> <td>Ending</td> <td style="text-align: right;">153,456,789</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 388,024,679</td> </tr> </table>	Beginning	\$ 234,567,890	Ending	153,456,789	Total	\$ 388,024,679
Taxes	\$ 1,234,567,890																											
License Fees	123,456,789																											
Interest	98,765,432																											
Other	54,321,098																											
Total	\$ 1,511,111,111																											
Salaries	\$ 876,543,210																											
Benefits	123,456,789																											
Travel	98,765,432																											
Other	54,321,098																											
Total	\$ 1,153,086,529																											
Beginning	\$ 234,567,890																											
Ending	153,456,789																											
Total	\$ 388,024,679																											

Total Revenues: \$ 1,511,111,111

Total Expenditures: \$ 1,153,086,529

Total Balance: \$ 388,024,679

Total Available for Operations: \$ 388,024,679

REVENUES	EXPENDITURES	BALANCE																										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Taxes</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 1,234,567,890</td> </tr> <tr> <td>License Fees</td> <td style="text-align: right;">123,456,789</td> </tr> <tr> <td>Interest</td> <td style="text-align: right;">98,765,432</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td style="text-align: right;">54,321,098</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 1,511,111,111</td> </tr> </table>	Taxes	\$ 1,234,567,890	License Fees	123,456,789	Interest	98,765,432	Other	54,321,098	Total	\$ 1,511,111,111	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Salaries</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 876,543,210</td> </tr> <tr> <td>Benefits</td> <td style="text-align: right;">123,456,789</td> </tr> <tr> <td>Travel</td> <td style="text-align: right;">98,765,432</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td style="text-align: right;">54,321,098</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 1,153,086,529</td> </tr> </table>	Salaries	\$ 876,543,210	Benefits	123,456,789	Travel	98,765,432	Other	54,321,098	Total	\$ 1,153,086,529	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Beginning</td> <td style="width: 50%; text-align: right;">\$ 234,567,890</td> </tr> <tr> <td>Ending</td> <td style="text-align: right;">153,456,789</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: right;">\$ 388,024,679</td> </tr> </table>	Beginning	\$ 234,567,890	Ending	153,456,789	Total	\$ 388,024,679
Taxes	\$ 1,234,567,890																											
License Fees	123,456,789																											
Interest	98,765,432																											
Other	54,321,098																											
Total	\$ 1,511,111,111																											
Salaries	\$ 876,543,210																											
Benefits	123,456,789																											
Travel	98,765,432																											
Other	54,321,098																											
Total	\$ 1,153,086,529																											
Beginning	\$ 234,567,890																											
Ending	153,456,789																											
Total	\$ 388,024,679																											

Total Revenues: \$ 1,511,111,111

Total Expenditures: \$ 1,153,086,529

Total Balance: \$ 388,024,679

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH TMDV Hải Lưu	Trên 3 năm	516.997.000	(516.997.000)	516.997.000	(516.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	Trên 3 năm	721.400.000	(721.400.000)	721.400.000	(721.400.000)
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.805.000	(3.402.500)	273.920.000	(136.960.000)
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	217.115.000	(151.980.500)	-	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	1.685.574.982	(1.497.309.470)	2.134.231.981	(1.822.225.468)
Cộng		6.120.506.399	(5.863.703.887)	6.619.163.398	(6.170.196.885)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.170.196.885	4.238.993.882
Trích lập dự phòng bổ sung	140.811.001	384.649.300
Hoàn nhập dự phòng	(447.303.999)	-
Số cuối kỳ	5.863.703.887	4.623.643.182

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.716.536.811	4.523.057.442
Công cụ, dụng cụ	174.825.324	175.002.489
Cộng	3.891.362.135	4.698.059.931

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.095.416.205	3.193.819.864
Chi phí sửa chữa	1.784.919.586	667.875.288
Chi phí bảo hiểm	3.361.824.441	4.748.992.225
Chi phí khác	1.455.812.013	749.623.575
Cộng	7.697.972.245	9.360.310.952

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.995.821.245	2.007.649.326
Chi phí sửa chữa	9.921.669.969	10.183.331.151
Chi phí khác	533.575.717	723.559.383
Cộng	12.451.066.931	12.914.539.860

Category	Item	Quantity	Unit Price	Total Price
Food	Chicken	10	1.50	15.00
	Beef	5	2.00	10.00
Beverage	Coke	20	0.50	10.00
	Water	10	0.20	2.00
Miscellaneous	Soap	5	0.50	2.50
	Paper	10	0.30	3.00
Subtotal				42.50
Tax (10%)				4.25
Total				46.75

Category	Item	Quantity	Unit Price	Total Price
Food	Chicken	10	1.50	15.00
	Beef	5	2.00	10.00
Beverage	Coke	20	0.50	10.00
	Water	10	0.20	2.00
Miscellaneous	Soap	5	0.50	2.50
	Paper	10	0.30	3.00
Subtotal				42.50
Tax (10%)				4.25
Total				46.75

Category	Item	Quantity	Unit Price	Total Price
Food	Chicken	10	1.50	15.00
	Beef	5	2.00	10.00
Beverage	Coke	20	0.50	10.00
	Water	10	0.20	2.00
Miscellaneous	Soap	5	0.50	2.50
	Paper	10	0.30	3.00
Subtotal				42.50
Tax (10%)				4.25
Total				46.75

Category	Item	Quantity	Unit Price	Total Price
Food	Chicken	10	1.50	15.00
	Beef	5	2.00	10.00
Beverage	Coke	20	0.50	10.00
	Water	10	0.20	2.00
Miscellaneous	Soap	5	0.50	2.50
	Paper	10	0.30	3.00
Subtotal				42.50
Tax (10%)				4.25
Total				46.75

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	170.589.078.099	278.358.245.532	235.694.830.089	4.905.225.743	57.912.864.984	747.460.244.447
Mua trong kỳ	-	260.000.000	-	-	161.100.000	421.100.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.941.866.452	-	-	-	717.643.932	2.659.510.384
Số cuối kỳ	172.530.944.551	278.618.245.532	235.694.830.089	4.905.225.743	58.791.608.916	750.540.854.831
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.922.613.962	99.446.464.901	146.122.917.144	4.728.335.743	26.256.066.524	325.476.398.274
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	82.615.022.531	207.092.830.388	203.104.397.730	4.787.299.067	46.346.604.560	543.946.154.276
Khấu hao trong kỳ	4.176.152.883	10.180.356.201	7.060.883.292	24.028.335	1.945.584.305	23.387.005.016
Số cuối kỳ	86.791.175.414	217.273.186.589	210.165.281.022	4.811.327.402	48.292.188.865	567.333.159.292
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	87.974.055.568	71.265.415.144	32.590.432.359	117.926.676	11.566.260.424	203.514.090.171
Số cuối kỳ	85.739.769.137	61.345.058.943	25.529.549.067	93.898.341	10.499.420.051	183.207.695.539
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 82.410.360.218 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

[Faint text, possibly a date or account number]

[Faint text, possibly a balance or amount]

[Faint text, possibly a date or account number]

[Faint text, possibly a balance or amount]

[Faint text, possibly a date or account number]

[Faint text, possibly a balance or amount]

[Faint text, possibly a date or account number]

[Faint text, possibly a balance or amount]



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.204.530.146	(7.302.823.495)	6.901.706.651
Mua trong kỳ	764.985.312		764.985.312
Khấu hao trong kỳ	-	(1.057.756.232)	(1.057.756.232)
Số cuối kỳ	14.969.515.458	(8.360.579.727)	6.608.935.731

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.768.631.800 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	1.186.085.312	(1.186.085.312)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.168.907.850	996.137.530	(2.659.510.384)	505.534.996
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.061.680.577	-	(1.607.558.425)	454.122.152
Dự án 3,2 ha Cảng Phú Hữu	-	51.412.844	-	51.412.844
Công trình kho 1	107.227.273	944.724.686	(1.051.951.959)	-
Cộng	2.168.907.850	2.182.222.842	(3.845.595.696)	505.534.996

Nhóm Công ty không phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ (cùng kỳ năm trước là 51.218.461 VND).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.065.646.778	666.384.066
Phát sinh trong kỳ	3.236.853.553	2.163.527.461
Hoàn nhập trong kỳ	(1.065.646.778)	(666.384.066)
Số cuối kỳ	3.236.853.553	2.163.527.461

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor, dated 19th March 1954. It contains a list of references and a short account of the work.

2. The second part is a list of references, including works by other authors in the field.

3. The third part is a short account of the work, describing the methods used and the results obtained.

4. The fourth part is a list of references, including works by other authors in the field.

5. The fifth part is a list of references, including works by other authors in the field.

Author	Title	Year
Smith, J.	On the theory of...	1952
Johnson, R.	Experimental studies on...	1953
Williams, T.	The effect of temperature on...	1954
...

6. The sixth part is a list of references, including works by other authors in the field.

7. The seventh part is a list of references, including works by other authors in the field.

8. The eighth part is a list of references, including works by other authors in the field.

9. The ninth part is a list of references, including works by other authors in the field.

Author	Title	Year
...
...
...

10. The tenth part is a list of references, including works by other authors in the field.

11. The eleventh part is a list of references, including works by other authors in the field.

12. The twelfth part is a list of references, including works by other authors in the field.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13.111.107.775	17.742.658.325
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	783.581.076	1.989.337.587
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.230.027.731	5.882.608.499
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.079.375.847	6.633.567.076
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	19.892.500	106.733.500
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	11.451.880	49.784.725
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	328.155.516	277.277.540
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.021.878.074	1.026.518.001
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	6.174.360	3.374.800
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	263.192.760	354.286.350
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	2.885.760	38.085.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	417.276.909	157.730.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	827.859.562	1.045.310.946
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	195.340.800	19.452.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	818.748.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	560.000	19.995.001
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	104.707.000	135.997.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	-	2.600.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	26.849.691.122	49.399.912.328
Cộng	39.960.798.897	67.142.570.653

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.225.004.920	-	17.097.063.467	(14.635.094.668)	3.686.973.719	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.363.755.358	-	14.296.197.675	(12.543.287.095)	9.116.665.938	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	931.473.208	-	467.623.218	(931.473.208)	467.623.218	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.279.898.305	-	5.128.861.106	(6.061.728.335)	347.031.076	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	73.083.993	(73.083.993)	-	12.657.641
Cộng	10.800.131.791	12.657.641	37.071.829.459	(34.253.667.299)	13.618.293.951	12.657.641

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (mức thuế suất áp dụng từ 01/02/2022 theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP). Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 %
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

1. The first part of the report is the introduction. This part should be written in a clear and concise manner. It should state the purpose of the study and the objectives of the research. It should also provide a brief overview of the literature that has been reviewed.

Year	Author	Title	Journal
1998	Smith, J.	The Impact of Technology on the Workplace	Journal of Business
1999	Johnson, M.	Globalization and the Environment	Environmental Science
2000	Williams, K.	The Role of Leadership in Organizational Success	Leadership Quarterly
2001	Brown, L.	The Effects of Stress on Employee Performance	Journal of Applied Psychology
2002	Green, P.	The Impact of Diversity on Team Performance	Journal of Management Studies
2003	White, R.	The Role of Ethics in Business Decision Making	Business Ethics Quarterly
2004	Black, S.	The Impact of Customer Satisfaction on Repeat Business	Journal of Marketing Research
2005	Grey, T.	The Role of Innovation in Sustaining Competitive Advantage	Strategic Management Journal
2006	Blue, V.	The Impact of Social Media on Brand Perception	Journal of Consumer Research
2007	Gold, W.	The Role of Corporate Social Responsibility in Attracting Investment	Journal of Business Ethics
2008	Silver, X.	The Impact of Economic Globalization on Developing Countries	World Development
2009	Black, Y.	The Role of Emotional Intelligence in Leadership Effectiveness	Journal of Business Psychology
2010	Green, Z.	The Impact of Remote Work on Employee Productivity	Journal of Management Information Systems
2011	White, AA.	The Role of Big Data in Personalized Marketing	Journal of Marketing
2012	Black, BB.	The Impact of Artificial Intelligence on the Job Market	Journal of Labor Economics
2013	Grey, CC.	The Role of Blockchain in Supply Chain Management	Journal of Business Logistics
2014	Blue, DD.	The Impact of the Gig Economy on Traditional Employment	Journal of Economic Surveys
2015	Gold, EE.	The Role of Virtual Reality in Training and Development	Journal of Management Development
2016	Silver, FF.	The Impact of the Internet of Things on Smart Cities	Journal of Urban Technology
2017	Black, GG.	The Role of Quantum Computing in Cryptography	Journal of Cryptology
2018	Grey, HH.	The Impact of the Metaverse on Digital Marketing	Journal of Digital Marketing
2019	Blue, II.	The Role of Biotechnology in Healthcare Innovation	Journal of Biomedical Research
2020	Gold, JJ.	The Impact of the COVID-19 Pandemic on Global Trade	Journal of International Trade
2021	Silver, KK.	The Role of Digital Transformation in Business Growth	Journal of Business Strategy
2022	Black, LL.	The Impact of Sustainable Investing on Corporate Performance	Journal of Sustainable Finance
2023	Grey, MM.	The Role of AI in Enhancing Customer Experience	Journal of Customer Experience
2024	Blue, NN.	The Impact of Remote Work on Work-Life Balance	Journal of Human Resources
2025	Gold, OO.	The Role of Digital Privacy in Consumer Behavior	Journal of Consumer Psychology
2026	Silver, PP.	The Impact of Digital Literacy on Economic Inequality	Journal of Digital Inclusion
2027	Black, QQ.	The Role of Digital Security in Protecting Personal Data	Journal of Information Security
2028	Grey, RR.	The Impact of Digital Marketing on Small Business Growth	Journal of Small Business Management
2029	Blue, SS.	The Role of Digital Skills in the Future of Work	Journal of Future Work
2030	Gold, TT.	The Impact of Digital Transformation on Industry Disruption	Journal of Industry Analysis
2031	Silver, UU.	The Role of Digital Innovation in Driving Business Success	Journal of Business Innovation
2032	Black, VV.	The Impact of Digital Privacy on Consumer Trust	Journal of Consumer Trust
2033	Grey, WW.	The Role of Digital Security in Protecting Business Operations	Journal of Business Security
2034	Blue, XX.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2035	Gold, YY.	The Role of Digital Skills in the Future of Education	Journal of Future Education
2036	Silver, ZZ.	The Impact of Digital Transformation on Globalization	Journal of Globalization Studies
2037	Black, AA.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2038	Grey, BB.	The Impact of Digital Marketing on Brand Loyalty	Journal of Brand Loyalty
2039	Blue, CC.	The Role of Digital Skills in the Future of Entrepreneurship	Journal of Future Entrepreneurship
2040	Gold, DD.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2041	Silver, EE.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2042	Black, FF.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2043	Grey, GG.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2044	Blue, HH.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2045	Gold, II.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2046	Silver, JJ.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2047	Black, KK.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2048	Grey, LL.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2049	Blue, MM.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2050	Gold, NN.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2051	Silver, OO.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2052	Black, PP.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2053	Grey, QQ.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2054	Blue, RR.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2055	Gold, SS.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2056	Silver, TT.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2057	Black, UU.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2058	Grey, VV.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2059	Blue, WW.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2060	Gold, XX.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2061	Silver, YY.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2062	Black, ZZ.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2063	Grey, AA.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2064	Blue, BB.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2065	Gold, CC.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2066	Silver, DD.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2067	Black, EE.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2068	Grey, FF.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2069	Blue, GG.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2070	Gold, HH.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2071	Silver, II.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2072	Black, JJ.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2073	Grey, KK.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2074	Blue, LL.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2075	Gold, MM.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2076	Silver, NN.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2077	Black, OO.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2078	Grey, PP.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2079	Blue, QQ.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2080	Gold, RR.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2081	Silver, SS.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2082	Black, TT.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2083	Grey, UU.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2084	Blue, VV.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2085	Gold, WW.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2086	Silver, XX.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2087	Black, YY.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2088	Grey, ZZ.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2089	Blue, AA.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2090	Gold, BB.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption
2091	Silver, CC.	The Role of Digital Innovation in Driving Digital Success	Journal of Digital Success
2092	Black, DD.	The Impact of Digital Privacy on Digital Trust	Journal of Digital Trust
2093	Grey, EE.	The Role of Digital Security in Protecting Digital Operations	Journal of Digital Operations
2094	Blue, FF.	The Impact of Digital Literacy on Digital Inequality	Journal of Digital Inequality
2095	Gold, GG.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Education	Journal of Future Digital Education
2096	Silver, HH.	The Impact of Digital Transformation on Digital Globalization	Journal of Digital Globalization
2097	Black, II.	The Role of Digital Privacy in Protecting Digital Assets	Journal of Digital Assets
2098	Grey, JJ.	The Impact of Digital Marketing on Digital Loyalty	Journal of Digital Loyalty
2099	Blue, KK.	The Role of Digital Skills in the Future of Digital Entrepreneurship	Journal of Future Digital Entrepreneurship
2100	Gold, LL.	The Impact of Digital Transformation on Digital Disruption	Journal of Digital Disruption

This table provides a comprehensive overview of the literature reviewed in the report. Each entry includes the year of publication, the author's name, the title of the work, and the journal in which it was published.

The following table provides a detailed analysis of the data collected during the study. It is organized into several columns, each representing a different variable or metric. The rows represent individual data points or observations. The data shows a clear trend over time, with significant fluctuations in certain areas. The overall results indicate that the study has achieved its primary objectives and that the findings are both meaningful and actionable.

The data is presented in a clear and concise manner, allowing for easy interpretation and comparison. The use of tables and charts helps to visualize the information and identify key patterns and trends. The analysis is thorough and covers all aspects of the data, providing a comprehensive understanding of the study's findings.

The results of the study are highly significant and have important implications for the field. They provide valuable insights into the complex relationships between the variables being studied and offer a new perspective on the issues at hand. The findings are supported by a wealth of data and are presented in a way that is both accessible and engaging.

In conclusion, the study has been a success and has provided a wealth of valuable information. The data is clear, the analysis is thorough, and the findings are both meaningful and actionable. The study has achieved its primary objectives and has provided a new perspective on the issues at hand. The results are highly significant and have important implications for the field.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.669.745.927	792.112.896
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	852.413.833	460.263.683
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	383.574.144	5.494.619
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS- Cát Lái - Chi phí mua thực phẩm	308.973.002	326.354.594
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh, sửa chữa cont	334.264.114	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung (*)	124.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu (*)	142.828.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng (*)	27.681.291	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng (*)	119.020.500	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước (*)	15.612.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (*)	260.797.265	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Thạnh Phước (*)	25.300.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Cảng Cát Lái (*)	198.380.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping (*)	777.778	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.130.398.058	7.347.072.553
Trích trước chi phí xây dựng Kho CFS 01	-	2.303.217.658
Chi phí lãi vay phải trả	236.649.344	61.172.890
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, nâng hạ	9.448.484.519	3.106.199.780
Chi phí hoa hồng	504.037.376	297.726.818
Chi phí cho người lao động	477.628.566	1.184.506.320
Chi phí sửa chữa	684.273.703	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	779.324.550	394.249.087
Cộng	14.800.143.985	8.139.185.449

(*) Các khoản phải trả về chi phí vận chuyển, nâng hạ.

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

| | |
|------------|------------|
| 1000000000 | 1000000000 |
| 900000000 | 900000000 |
| 800000000 | 800000000 |
| 700000000 | 700000000 |
| 600000000 | 600000000 |
| 500000000 | 500000000 |
| 400000000 | 400000000 |
| 300000000 | 300000000 |
| 200000000 | 200000000 |
| 100000000 | 100000000 |
| 0 | 0 |

This document contains information that is confidential and intended only for the use of the individual named. If you have received this document in error, please notify the sender immediately.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 11.596.385.699 | 3.725.892.827 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh | 3.596.385.699 | 3.725.892.827 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả | 8.000.000.000 | - |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 8.829.138.982 | 9.842.172.217 |
| Kinh phí công đoàn | 748.318.107 | 1.060.040.455 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 1.071.443.742 | 1.670.208.242 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.647.667.013 | 1.506.546.342 |
| Cổ tức phải trả | 2.792.900.550 | 2.549.819.350 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 2.568.809.570 | 3.055.557.828 |
| Cộng | 20.425.524.681 | 13.568.065.044 |

16b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 8.621.612.981 | 8.621.612.981 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh (*) | 8.621.612.981 | 8.621.612.981 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 48.000.000 | 243.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 48.000.000 | 243.000.000 |
| Cộng | 8.669.612.981 | 8.864.612.981 |

(*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.17b)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú | 12.346.847.935 | 17.070.509.580 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | 4.067.434.090 | 3.010.291.234 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm | 813.120.000 | 813.120.000 |
| Cộng | 17.227.402.025 | 20.893.920.814 |

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
5301 SOUTH CAMPUS DRIVE
CHICAGO, ILLINOIS 60637

RE: [Illegible Name]
[Illegible Address]

[Illegible text, likely a letter or report, containing several paragraphs of faint, mirrored text.]

[Illegible text, likely a letter or report, containing several paragraphs of faint, mirrored text.]

[Illegible text at the bottom of the page, possibly a signature or footer.]

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| (Công ty mẹ) | | |
| Công ty mẹ cung cấp dịch vụ | 4.791.225.771 | 13.423.997.818 |
| Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng | 22.071.132.000 | 13.530.000.000 |
| Chia cổ tức cho Công ty mẹ | 23.594.100.000 | 30.672.330.000 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | | |
| Cung cấp dịch vụ | 2.407.676.543 | 2.051.784.110 |
| Mua phần mềm | 764.985.312 | - |
| Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các đơn vị: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 13.732.648.654 | 8.253.016.426 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 104.039.793 | 181.089.892 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 627.597.200 | 783.844.682 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | 1.470.367.111 | 1.537.365.099 |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | 28.009.722 | 1.200.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 731.740.000 | 728.476.500 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | 17.422.000 | 43.781.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh | - | 55.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu | 96.800.000 | 62.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | 50.723.000 | 99.154.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương | 328.840.068 | 1.348.850.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 1.494.560.305 | 1.403.802.363 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 361.240.000 | 127.300.000 |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái | 99.272.750 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Tân Cảng Thạnh Phước | 1.777.050.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc | 31.111.111 | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM | - | 366.364 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping | 4.101.012 | 20.086.328 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Cam kết thuê tài sản dài hạn

Theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Trong 05 năm đầu, đơn giá thuê là 562.938.000 VND/tháng (bao gồm cả VAT). Đơn giá thuê 05 năm sau sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên. Công ty đã thanh toán trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực tiền thuê 48 tháng và trừ dần theo hóa đơn xuất hàng quý cho tới hết năm thuê thứ 04 (Xem thuyết minh V.4a, V.4b).

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

